

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/10/2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 19...;

Bị đơn: Ông Trần Công D, sinh năm 19...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại ấp 6, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của nguyên đơn trong thời gian chuẩn bị xét vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn Trần Công D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Đến nay hai người chưa có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cuộc sống chung của hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2017. Nguyên nhân do ông bị đơn thường xuyên uống rượu bia rồi có những lời nói không đúng chuẩn mực tạo ra mâu thuẫn giữa các đương sự, vì có nhiều mâu thuẫn trong tình nghĩa, tình yêu giữa hai người. Từ năm 2017 các đương sự không còn sống chung đến nay.

Các đương sự không có nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết, nguyên đơn và bị đơn có 03 người con: Trần Thị Kim N, sinh năm 1997; Trần Minh H, sinh năm 1998 và Trần Thị Kim P, sinh năm 2001. Các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không khởi kiện yêu cầu giải quyết về con, tài sản chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án bị đơn là ông Trần Công D trình bày ý kiến như sau:*

Bị đơn thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, quan hệ tài sản là đúng sự thật. Các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn đúng như ý kiến trình bày của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn do mâu thuẫn giữa các đương sự không thể giải quyết được, về con và tài sản chung của các đương sự thống nhất với ý kiến của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà L và ông D chung sống như vợ chồng từ năm 1996 không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 11 và Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị L và ông Trần Công D là vợ chồng.

Các con của các đương sự đã thành niên có khả năng lao động, về tài sản chung thì các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Bà L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng trong vụ án: Bà Phạm Thị L khởi kiện ly hôn với ông Trần Công D nên bà L là nguyên đơn, ông D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt họ. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà L và ông D trình bày ý kiến thống nhất: Hai người tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến nay chưa đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Ý kiến trình bày của các đương sự là phù hợp tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn, bị đơn cư trú.

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị L và ông Trần Công D là vợ chồng theo quy định tại các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều

131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các đương sự thống nhất ý kiến là không có nợ chung, về tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết, đối với các con của nguyên đơn và bị đơn đều đã thành niên là người bình thường nên không khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là bà Phạm Thị L
- Tuyên bố: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Trần Công D là vợ chồng.
- Về quan hệ tài sản, về con của các đương sự: Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khởi kiện ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 005630 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự là bà Phạm Thị L, ông Trần Công D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ cơ quan (5).
- UBND cấp xã (nếu có).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**